Phụ lục I

Danh sách các thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập				Thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sáp nhập, đặt tên			
	Thôn, tổ dân phố	*Số hộ gia đình*	*Số nhân khẩu*	Nội dung sắp xếp, sáp nhập	TT	Tên thôn, tổ dân phố	*Số hộ gia đình*	*Số nhân khẩu*
I	**HUYỆN TRÀNG ĐỊNH**							
1	**Xã Chí Minh**							
1,1	Thôn Nà Quân	59	248	Sáp nhập thôn Nà Quân với thôn Bản Ca thành một thôn mới	1	Thôn Nà Cạo	111	477
1,2	Thôn Bản Ca	52	229					
2	**Xã Đại Đồng**							
2,1	Thôn Nà Khuất	52	216	Sáp nhập thôn Nà Khuất với thôn Nà Trại thành một thôn mới	2	Thôn Thống Nhất	110	510
2,2	Thôn Nà Trại	58	294					
II	**HUYỆN LỘC BÌNH**							
1	**Xã Đông Quan**							
1,1	Thôn Nà Lâu	34	176	Sáp nhập thôn Nà Lâu với thôn Song Sài thành một thôn mới	3	Thôn Song Sài	85	385
1,2	Thôn Song Sài	51	209					
1,3	Thôn Tổng Hách	50	206	Sáp nhập thôn Tổng Hách với thôn Nà Miền thành một thôn mới	4	Thôn Nà Miền	203	836
1,4	Thôn Nà Miền	153	630					
2	**Xã Tĩnh Bắc**							
2,1	Thôn Nà Lầu	64	275	Sáp nhập thôn Nà Lầu với thôn Nà Lài thành một thôn mới	5	Thôn Đoàn Kết	133	588
2,2	Thôn Nà Lài	69	313					
2,3	Thôn Nà Dừa	64	299	Sáp nhập thôn Nà Dừa với thôn Khuổi Lỷ thành một thôn mới	6	Thôn Thống Nhất	122	539
2,4	Thôn Khuổi Lỷ	58	240					
III	**HUYỆN VĂN QUAN**							
1	**Xã Điềm He**							

TT	Thôn, tổ dân phố thực hiện sáp nhập				Thôn, tổ dân phố mới hình thành sau sáp nhập, đặt tên			
	Thôn, tổ dân phố	***Số hộ gia đình***	***Số nhân khẩu***	**Nội dung sắp xếp, sáp nhập**	**TT**	**Tên thôn, tổ dân phố**	***Số hộ gia đình***	***Số nhân khẩu***
1,1	Thôn Bản Lải	56	273	Sáp nhập thôn Bản Lải với thôn Nà Súng thành một thôn mới	7	Thôn Nà Súng	166	719
1,2	Thôn Nà Súng	110	446					
IV	**HUYỆN BÌNH GIA**							
1	**Xã Minh Khai**							
1,1	Thôn Nà Khuông	38	167	Sáp nhập thôn Nà Khuông với thôn Bản Hỏi thành một thôn mới	8	Thôn Thống Nhất	91	421
1,2	Thôn Bản Hỏi	53	254					
2	**Xã Thiện Thuật**							
2,1	Thôn Khuổi Thoong	29	118	Sáp nhập thôn Khuổi Thoong với thôn Pò Sè thành một thôn mới	9	Thôn Pò Sè	99	403
2,2	Thôn Pò Sè	70	285					
2,3	Thôn Khuổi Khuy	48	200	Sáp nhập thôn Khuổi Khuy với thôn Khuổi Cướm thành một thôn mới	10	Thôn Khuổi Cướm	107	427
2,4	Thôn Khuổi Cướm	59	227					
V	**HUYỆN BẮC SƠN**							
1	**Thị trấn Bắc Sơn**							
1,1	Khối phố Hữu Vĩnh 2	76	321	Sáp nhập khối phố Hữu Vĩnh 2 và khối phố Hợp Thành Pác Lũng thành một khối phố mới	11	Khối phố Hữu Vĩnh	188	781
1,2	Khối phố Hợp Thành Pác Lũng	112	460					
VI	**HUYỆN CHI LĂNG**							
1	**Xã Hữu Kiên**							
1,1	Thôn Suối Mạ A	106	454	Sáp nhập thôn Suối Mạ A với thôn Suối Mạ B thành một thôn mới	12	Thôn Suối Mạ	168	684
1,2	Thôn Suối Mạ B	62	230					

Phụ lục II

Danh sách các thôn, tổ dân phố thực hiện đổi tên

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Thôn đề nghị đổi tên	Số hộ gia đình	Số nhân khẩu *(Người)*	Tên thôn, tổ dân phố mới
I	**HUYỆN LỘC BÌNH**			
1	**Thị trấn Na Dương**			
1,1	Thôn Na Dương Nà Phải	282	1.221	Khu Na Dương
1,2	Thôn Na Dương Phố 1	182	731	Khu Phố 1
1,3	Thôn Na Dương Phố 2	172	792	Khu Phố 2
1,4	Thôn Sơn Hà	230	878	Khu Sơn Hà
II	**HUYỆN HỮU LŨNG**			
1	**Xã Tân Thành**			
1,1	Thôn Ao Kham - Làng Cầu	163	735	Thôn Ao Kham
1,2	Thôn Ao Vảy - Gốc Đào	164	725	Thôn Ao Vảy